

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày 26 - 6 - 2020

Vv: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/ 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 27/02/ 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 10 / 06/ 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị D**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 1, Thôn Yên N, xã Đồng Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Đào Quang H**, sinh năm 1960 và Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1966 (vợ ông H)

Địa chỉ: Xóm 4, Thôn Yên N, xã Đồng Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bà D, ông H và bà L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 28/12/2019 của bà Vũ Thị D, lời khai tại phiên tòa, bà D trình bày: Trong thời gian từ ngày 04/3/2017 đến ngày 25/3/2017 (âm lịch) bà D 03 lần cho vợ, chồng ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L vay số tiền là 230.000.000 đồng. Lãi suất do hai bên thỏa thuận; thời hạn vay là một năm kể từ thời điểm vay. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/3/2017 (âm lịch) bà D cho ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L vay số tiền là 80.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/3/2017 (âm lịch) bà D cho ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L vay số tiền là 105.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/3/2017 (âm lịch) bà D cho ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L vay số tiền là 45.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến nay thì ông H và bà L chưa thanh toán được cho bà D gốc và lãi đồng nào.

Nay bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q buộc ông H và bà L phải trả nợ bà D số nợ gốc là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất bà không yêu cầu ông H và bà L phải trả.

Về án phí: Tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Bị đơn trình bày: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình ông H và bà L đã 05 lần vay tiền của bà D tổng số tiền là 230.000.000 đồng từ năm 2014; lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày; lãi trả theo tháng (không có giấy tờ gì về việc tôi trả lãi cho bà D). Hàng tháng vợ chồng tôi đã trả lãi suất cho bà D, trả đến khoảng tháng 4 hoặc tháng 5/2017 ông H và bà L đã trả tiền lãi khoảng 400.000.000 đồng (nhưng không ghi giấy tờ gì về việc trả lãi và không có ai chứng kiến), sau đó do làm ăn kinh tế khó khăn nên không trả được nợ cho bà D.

Nay bà D yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H và bà L số nợ gốc là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), ông H và bà L nhận trách nhiệm trả nợ bà D số nợ gốc và trả dần hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị tòa xem xét miễn giảm án phí.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại

phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt; Thẩm phán, Thư ký đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho các đương sự;

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền vay là 230.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả tiền 230.000.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hợp đồng dân sự (vay tài sản) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú là xã Đồng Q, huyện Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về thời hiệu: Căn cứ các hợp đồng vay tiền các bên có thỏa thuận về thời hạn vay; Quá trình chuẩn bị xét xử và trước khi Hội đồng xét xử ban hành bản án các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó căn cứ Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án Toà đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn là ông H và bà L có mặt, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có mặt những người trên là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông H và bà L phải trả số nợ gốc là 230.000.000 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Về hình thức hợp đồng vay tài sản các bên lập thành văn bản; Về nội dung hai bên tự nguyện thỏa thuận về khoản vay, nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay tiền, thực hiện hợp đồng vay hai bên có xác định thời hạn là phù hợp quy định tại Điều 463, 464, 465, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu về khoản nợ gốc thì thấy: Do quen biết là người cùng thôn nên bà D có cho ông H và bà L vay tiền để làm ăn. Trong các ngày 4/3; ngày 15/3 và ngày 25/3 năm 2017 (âm lịch), bà D có cho vợ chồng ông H bà L vay số tiền lần lượt là: 80.000.000 đồng; 105.000.000 đồng và 45.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà D cho vợ chồng ông H và bà L vay là 230.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà ông H và bà L không trả nợ gốc như cam kết hai bên ghi trong hợp đồng.

Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà L trả nợ nhưng ông H và bà L không trả. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông H và bà L thừa nhận còn nợ số nợ gốc của nguyên đơn là 230.000.000 đồng. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số nợ gốc là 230.000.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn trình bày là vay 5 lần của nguyên đơn từ năm 2014, vay miệng, lãi suất hai bên thỏa thuận với tổng số tiền vay là 230.000.000 đồng để cho con ăn học và đã trả lãi cho nguyên đơn khoảng 400.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì. Xét yêu cầu của bị đơn thì thấy: Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn không đưa ra được tài liệu nào chứng minh là đã trả lãi và phía nguyên đơn không thừa nhận đã được trả lãi suất. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[4]Về án phí: Khoản 1, 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc ông H và bà L phải nộp án phí có giá ngạch là: 11.500.000 đồng.

Nguyên đơn là bà D không phải chịu án phí. Trả lại bà D số tiền tạm ứng án phí là: 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0011026 ngày 27/ 02/2020.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Khoản 1, 2 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 149; 463; 464; 465; 466; Khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D.

Buộc ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L phải trả nợ bà Vũ Thị D tính đến hết ngày 26/6/2020 tổng số tiền là: 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Đào Quang H và bà Vũ Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn là bà Vũ Thị D không phải chịu án phí. Trả lại bà D số tiền tạm ứng án phí là: 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0011026 ngày 27/ 02/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Q.

3- Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành